

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trịnh Văn Lực;
- Ông Nguyễn Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ninh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 507/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1981; thường trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Số H đường T, tổ G, 8 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương C, sinh năm 1981; thường trú: Thôn E, xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; chỗ ở: Số G đường T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1945 và bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1945; cùng thường trú: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm, chị T và anh Dương C tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 quyền số 02.2010 ngày 26/4/2010.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số G đường T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, hiện tại chị Tươi S tại địa chỉ số H đường T, tổ G, 8

khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh C tính bảo thủ, hung hãn, tiền bạc chi ly với vợ, hiện vợ chồng sống ly thân. Mặc dù, vợ chồng đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn và nỗ lực hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay, chị Nguyễn Thị B Tươi xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Dương C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng 01 con chung tên Dương Hoàng L, sinh ngày 05/11/2010. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Dương C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn anh Dương C trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương C thống nhất với chị Nguyễn Thị Bé T về thời gian tìm hiểu, quá trình chung sống và đăng ký kết hôn, còn mâu thuẫn chỉ là mâu thuẫn nhỏ, anh C không đồng ý ly hôn với chị T vì hiện tại con chung đang còn nhỏ, mong muốn cả hai vợ chồng cùng nuôi dạy con chung đến tuổi trưởng thành, đồng thời vợ chồng chưa thỏa thuận được vấn đề phân chia tài sản nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng 01 con chung tên Dương Hoàng L, sinh ngày 05/11/2010. Về vấn đề này, anh C mong muốn vợ chồng sống ly thân như hiện nay, không phải ly hôn, vợ chồng cùng nhau nuôi con đến tuổi trưởng thành, sợ thiếu sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cha mẹ sau này con anh chị sẽ bị hư hỏng, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì giao con cho ai thì người ấy nuôi dưỡng, người còn lại không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Vợ chồng chưa thỏa thuận được phân chia tài sản nên không đồng ý ly hôn.

- *Tại biên bản tự khai ngày 04/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ú, bà Huỳnh Thị N trình bày:*

Ông Nguyễn Văn Ú và bà Huỳnh Thị N cha mẹ ruột của chị Nguyễn Thị Bé T, còn anh Dương C là con rể. Năm 2010, do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng con ông bà (chị T và anh C) có gửi cháu Dương Hoàng L, sinh ngày 05/11/2010 cho vợ chồng ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Hằng tháng thì chị T có gửi tiền về cho ông bà nuôi dưỡng cháu L, hiện cuộc sống của cháu L diễn ra bình thường, ông bà không khó khăn gì trong quá trình nuôi dưỡng cháu L. Nay con gái (chị T) yêu cầu được ly hôn với con rể (anh C) thì ông bà hoàn toàn đồng ý, ông bà biết cuộc sống hôn nhân của con gái không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án xem xét.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh C, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau:* Chị Nguyễn Thị B Tươi và anh Dương C trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chị T không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn

đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ, cũng không thấy đại diện khu phố hay địa phương phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đều thừa nhận cuộc sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị Nguyễn Thị B Tươi khởi kiện anh Dương C yêu cầu được ly hôn, anh C hiện đang trú tại số G đường T, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ú, bà Huỳnh Thị N có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010, chị Nguyễn Thị Bé T và anh Dương C tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 quyền số 02.2010 ngày 26/4/2010 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Nguyên đơn chị T xác định mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh C tính bảo thủ, hung hãn, tiền bạc chi ly với vợ làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, ngột ngạt không thể hòa thuận với nhau, hiện vợ chồng sống ly thân, điều này phù hợp với đoạn tin nhắn giữa anh C và chị T1 (từ bút lục số 09-16) thể hiện sự thiếu tôn trọng, hăm dọa của anh C đối với chị T đồng thời cha mẹ ruột của chị T cũng xác nhận vợ chồng chị T và anh C chung sống không hạnh phúc. Vì vậy, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị T và anh C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, lời trình bày của bị đơn anh C là không phù hợp. Do đó, việc chị Nguyễn Thị Bé T yêu cầu được ly hôn với anh Dương C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Nguyễn Thị Bé T và anh Dương C có 01 con chung tên Dương Hoàng L, sinh ngày 05/11/2010. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy cháu L đang sống với ông bà ngoại, chị T là người gửi tiền để nuôi dưỡng cháu L, cháu L mong muốn được sinh sống cùng mẹ, chị T có công ăn việc làm và có thu nhập ổn định. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu giao con chung cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu anh Dương C phải cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét. Đối với bị đơn anh Dương Văn C có yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 28/11/2024, Tòa án đã giải thích đối với yêu cầu này của anh C, đồng thời thông báo anh C thời hạn 10 ngày anh C phải làm đơn yêu cầu phản tố và nộp các tài liệu chứng cứ kèm theo, tuy nhiên hết thời hạn trên nhưng anh C không có đơn yêu cầu phản tố, đồng thời tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, bị đơn cũng không yêu cầu chia tài sản chung, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng Dân sự không xem xét yêu cầu này của bị đơn, nếu giữa anh C và chị T có tranh chấp về tài sản chung thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị B1 Tươi đối với bị đơn anh Dương C về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Bé T2 được ly hôn với anh Dương C. (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 quyển số 02.2010 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/4/2010).

Về con chung: Anh Dương C giao con chung tên Dương Hoàng L, sinh ngày 05/11/2010 cho chị Nguyễn Thị B Tươi trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bé T không yêu cầu anh Dương C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị Bé T và anh Dương C có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Chị T phải tạo điều kiện cho anh C trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bé T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001729 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa